

BUÔN LẬU NHÌN TỪ GÓC ĐỘ SẢN XUẤT VÀ CHẾ ĐỘ BẢO HỘ



DINH SƠN HÙNG, PTS Kinh tế

NGUYÊN NHÂN CỦA BUÔN LẬU

Chúng tôi hiểu buôn lậu bao gồm những hành vi sau:

Thứ nhất, lưu thông và trao đổi hàng hóa (gồm cả rong nước cũng như cả với nước ngoài) mà luật pháp và chính sách của chính phủ không cho phép.

Thứ hai, lưu thông và trao đổi hàng hóa không đúng với chức năng và không đúng với nội dung đăng ký hoạt động kinh doanh.

Thứ ba, lậu và trốn thuế, nói cách khác, không thực hiện nghĩa vụ thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Nhìn về cội nguồn, có thể nói rằng buôn lậu xuất hiện cùng với sự xuất hiện của sản xuất, lưu thông hàng hóa với những mức độ, phạm vi khác nhau. Nhà nước nào cũng đều có những biện pháp chống buôn lậu, nhưng thực tế minh chứng rằng, chỉ hạn chế được ở mức độ nào đó chứ chưa tiêu diệt được hẳn. Sở dĩ buôn lậu có sức sống như vậy vì nó nảy sinh từ nhiều cội nguồn khác nhau. Xin đem cử một vài cội nguồn cơ bản đó.

1. Do sự điều tiết của hệ thống các quy luật kinh tế của kinh tế thị trường. Biểu hiện tập trung nhất của sự điều tiết này là hàng hóa "chảy" từ nơi cung lớn hơn cầu, giá cả thấp đến nơi cung nhỏ hơn cầu, giá cả cao.

2. Do sự không giống nhau về tài nguyên thiên nhiên, trình độ kỹ thuật, phân

công lao động xã hội, quản lý... của nền kinh tế ở những vùng, những nước khác nhau, do vậy, hàng hóa sản xuất ra ở những nơi khác nhau đó không giống nhau về chủng loại, chất lượng, giá cả. Và thế là thương mại xuất hiện "diễn ra theo lợi thế so sánh" (2).

3. Nền kinh tế thế giới là một chỉnh thể của sự vận động và phát triển. Những quan hệ kinh tế quốc tế đã và đang tạo ra tiền đề và động lực cho sự phát triển kinh tế của mỗi nước. Do vậy việc lưu thông mua bán hàng hóa giữa các nước là một tất yếu khách quan. Trong quá trình giao lưu kinh tế như vậy tất có những hàng hóa được lưu thông, mua bán hợp pháp, và có những hàng hóa lưu thông, trao đổi không hợp pháp.

4. Do chính sách thuế quan và chính sách kinh tế của chính phủ. Nếu chính sách thuế quan không hợp lý, dẫn đến chỗ việc mua bán không có lãi, thì người ta sẽ tìm cách trốn thuế. Nếu hạn chế hoặc nghiêm cấm mua bán loại hàng hóa nào đó mà cầu tiêu dùng đối với mặt hàng này vẫn cao thì buôn lậu thứ hàng đó sẽ xuất hiện.

Ba nguyên nhân trên có thể coi là nguyên nhân kinh tế khách quan làm nảy sinh buôn lậu còn nguyên nhân thứ tư là nguyên nhân chủ quan.

II. BUÔN LẬU LÀ TỐT HAY XẤU?

Theo quan điểm cá nhân, không thể trả lời dứt khoát được rằng buôn lậu là

"tốt" hoặc "xấu", bởi vì:

+ Ở một mức độ nào đó buôn lậu phản ánh tình trạng sản xuất, cung cầu, lưu thông trao đổi hàng hóa của một nước trong những thời điểm nhất định. Nhìn luồng hàng hóa nước ngoài tràn vào một nước nào đó, ta có thể kết luận được rằng cầu về loại hàng hóa đó ở nước đó đang cao, nhưng sản xuất thấp kém không đáp ứng được cầu. Trên cơ sở đó các nhà lãnh đạo, nhà sản xuất có biện pháp, hoặc thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển hoặc tăng nhập hàng để thu lãi và đáp ứng cầu.

+ Ở phạm vi nhất định, buôn lậu phản ánh hiệu quả (gồm hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả kinh tế-xã hội) của một chính sách kinh tế ở thời điểm nhất định. Ví như chính phủ một nước cấm nhập khẩu những hàng hóa nào đó, nhưng do cầu trong nước về những hàng hóa đó vẫn cao, tức thì buôn lậu hiện hình để tạo nên sự cân bằng cung-cầu trên thị trường. Nhờ đó các nhà lãnh đạo sẽ xem xét lại tính hiệu quả của chính sách đã ban hành để điều chỉnh cho phù hợp với những diễn biến của thị trường. Ở góc độ này có thể nói rằng buôn lậu không chỉ phản ánh (mức độ) tính hiệu quả của một chính sách mà còn tự phát tham gia vào việc phá vỡ những ý đồ xây dựng một nền kinh tế khép kín.

Như vậy, buôn lậu đã tham gia ở mức độ nhất định vào việc phát tín hiệu để cho

ta biết thực trạng diễn biến của sản xuất, lưu thông, trao đổi, cung-cầu hàng hóa và hiệu quả những chính sách kinh tế ở những thời điểm nhất định. Đúng ở góc độ này mà xét, không thể kết luận buôn lậu là xấu.

Mặt khác, khi lưu thông, mua bán hàng hóa không đúng chức năng, hoặc gian lận thuế... đặc biệt việc mua bán hàng hóa như vậy được bảo trợ dưới danh nghĩa cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tư liệu sản xuất thuộc sở hữu toàn dân, nhưng những món lợi khổng lồ thu được thì lại rơi vào túi cá nhân thì không thể nói rằng hành vi buôn lậu đó là tốt. Vì trong trường hợp này người buôn lậu đã bán nhân phẩm của mình để mua sự phú quý. Và ở đây, trong đôi ngũ này không hề có mặt của những người trung thực.

III. BUÔN LẬU VÀ CHẾ ĐỘ BẢO HỘ

Để bảo hộ cho việc sản xuất hoặc tiêu thụ hàng hóa trong nước, các chính phủ có thể áp dụng những biện pháp cơ bản sau đây:

Thứ nhất, xây dựng hàng rào thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu.

Thứ hai, định mức nhập khẩu. Nghĩa là nhà nước cho phép một số đơn vị kinh doanh được phép nhập khẩu một số hàng hóa nào đó với số lượng nhất định chứ không phải nhập khẩu dưới tác động của quan hệ cung-cầu trên thị trường.

Thứ ba, nhà nước ban

hành văn bản cấm nhập khẩu, mua bán những mặt hàng nào đó.

Những biện luận cho chế độ bảo hộ này được xuất phát từ những lý lẽ cơ bản sau:

+ Để bảo vệ nền sản xuất trong nước, bảo vệ nền công nghiệp "non trẻ" của đất nước (3).

+ Vì lý do an ninh. Lập luận này cho rằng một nước càng tự túc bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu trong việc sản xuất những hàng hóa cần thiết cho chiến tranh và quốc phòng (4); cho việc xây dựng nền kinh tế tự chủ.

+ Lợi luận về nền kinh tế đa dạng. Theo lập luận này thì việc tăng cường bảo hộ sẽ làm cho một nước có đủ khả năng xây dựng một loạt các ngành công nghiệp khác nhau, đưa lại sự ổn định kinh tế lớn hơn là một nền kinh tế chuyên môn hóa cao độ ở một vài ngành nào đó (5).

Quan điểm của chúng ta về chế độ bảo hộ như thế nào?

1. Lịch sử một số nước cho thấy rằng, một vài ngành công nghiệp được bảo hộ không hề bao giờ phát triển ra khỏi giai đoạn "non trẻ", nghĩa là chúng không bao giờ có khả năng vươn dậy để đứng vững và cạnh tranh một cách có hiệu quả với nền công nghiệp trưởng thành hơn ở nước khác (6).

Có người biện minh rằng do kỹ thuật của tư liệu sản xuất lạc hậu, nên giá cả hàng hóa cao, chất lượng thấp, mẫu

mã xấu. Không ai phủ nhận là máy móc thiết bị của nước ta lạc hậu so với trình độ trung bình của thế giới 50-70 năm. Nhưng mặt khác lương bình quân của ta thấp so với lương bình quân thế giới 10-20 lần. Và đây là ưu thế để hàng hóa ta có thể cạnh tranh được với hàng nước ngoài, nếu chúng ta biết tổ chức sản xuất, quản lý lao động, lựa chọn mặt hàng sản xuất. Vì dù có cách phân chia cầu thành giá trị hàng hóa khác nhau, những cách gọi khác nhau đối với các bộ phận cấu thành giá trị hàng hóa (cùng với tác động của quan hệ cung-cầu thì đây là cơ sở để hình thành giá cả hàng hóa) nhưng chung quy lại, lỗi của giá cả hàng hóa vẫn là những chi phí để sản xuất ra nó. Nên khi lương (một bộ phận quan trọng cấu thành giá cả hàng hóa) thấp, thì giá cả hàng hóa cũng thấp. Đó là ưu thế khi cạnh tranh giữa hàng của ta với hàng được sản xuất ra ở nước có mức lương cao.

2. Bảo hộ nhằm tạo ra điều kiện cho sự phát triển đa dạng nhiều ngành nghề, nhưng điều đó sẽ dẫn đến sự kém hiệu quả mà một sự đa dạng hóa bất buộc, "không tự nhiên" đưa lại, và xem nhẹ việc vì thế mà chi phí xây dựng, sản xuất tăng lên, dẫn đến giá cả hàng hóa tăng lên. Vì vậy không có khả năng cạnh tranh và phát triển có hiệu quả (7).

3. Những biện pháp bảo hộ sẽ đưa lại kết quả là giá cả

hàng hóa cao hơn (*) do đó làm thiệt hại cho người tiêu dùng trong nước, đặt người tiêu dùng (vua của thị trường) vào tình thế giống như Trạng Quỳnh cho vua ăn măm đá; trong khi lại làm lợi cho những người sản xuất kém hiệu quả trong nước. Về lâu dài, việc này khuyến khích việc di chuyển vốn, tư liệu sản xuất, lực lượng lao động ra khỏi các ngành công nghiệp có hiệu quả để đưa vào các ngành công nghiệp kém hiệu quả hơn (nhưng được bảo hộ) do đó làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận (8).

4. Trong buôn bán quốc tế, một nước xuất khẩu cũng phải nhập khẩu, những biện pháp bảo hộ có xu hướng cản trở nguyên tắc đó chứ không phải khuyến khích việc tăng xuất-nhập, thu nhập và việc làm cao hơn (9).

5. Có người biện minh rằng hàng sản xuất trong nước không tiêu thụ được vì tâm lý người tiêu dùng thích dùng hàng ngoại. Thực ra thì mỗi người tiêu dùng khi đi mua một mặt hàng nào đó, cái mà người ta quan tâm là giá cả, chất lượng, hình thức của hàng hóa, sau đó căn cứ vào khả năng thanh toán, cuối cùng họ quyết định mua hàng nào. Nếu người tiêu dùng có tâm lý chuộng hàng ngoại, thì tâm lý đó cũng được hình thành từ thực tế khách quan là hàng ngoại tốt hơn về chất lượng, đẹp hơn về hình thức và giá cả rẻ hơn so với cùng một loại hàng hóa trong nước

sản xuất ra.

6. Người sản xuất có thể nói rằng vì hàng nhập lậu trở nên rẻ hơn trong nước. Các nhà sản xuất trong nước đúng là phải đóng thuế nhưng cũng tương tự, các nhà sản xuất ở nước ngoài cũng phải đóng thuế cho nước tại. Nghĩa là nếu hàng nhập lậu trốn thuế (thuế nhập khẩu) thì điều đó không phải là người sản xuất ngoài nước được miễn loại thuế mà người sản xuất trong nước phải chịu. Đây là chưa kể chi phí lưu thông của hàng nhập (kể cả nhập lậu) bao giờ cũng cao hơn nhiều so với chi phí lưu thông của hàng sản xuất trong nước.

7. Thực hiện chế độ bảo hộ (đặc biệt là bằng biện pháp thứ hai và thứ ba như trình bày ở trên) có thể hạn chế (mức độ nào đó) chứ không ngăn chặn được buôn lậu, buôn lậu được sản sinh từ những nguyên nhân như trình bày. Thực tế cũng chỉ thấy rằng ngay cả trong thời kỳ nền kinh tế nước nhà đón cửa, quản lý mang tính kế hoạch tập trung, những sắc lệnh và biện pháp chống buôn lậu được tăng cường tới đâu, buôn lậu vẫn tồn tại và "công phá" vào những sắc lệnh và những biện pháp hạn chế nhằm chống lại nó.

Mới đây thôi, nhà nước đã nghiêm cấm và mở nhiều chiến dịch truy lùng nhập khẩu thuốc lá ngoại, nhưng thú hời có tú thuốc lá nào ở lại không có thuốc ngoại?



4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

8. Khi vận bán chống nhập khẩu một loại hàng nào đó được ban hành thì số vốn áp trung cho một số ít người buôn bán loại hàng đó có thể giảm đi, vì không thể mua bán với số lượng lớn được (do phải đối phó với cơ quan chức năng), nhưng số người buôn bán số hàng đó sẽ tăng lên, vì việc buôn bán như vậy sẽ thu được lãi lớn hơn, với số vốn ít hơn, so với khi buôn bán tự do.

9. Việc ngăn cấm buôn bán một số hàng ngoại sẽ tạo cơ hội cho một số giàu lên nhanh chóng từ thu nhập bất chính do buôn lậu thứ hàng đó hoặc liên quan đến việc chống buôn lậu thứ hàng đó lại. Nói cách khác thương mại tự do hơn giúp một ít cho mọi người, trong khi bảo hộ giúp rất nhiều cho một số ít người" (10).

Tóm lại, xét về hiệu quả lâu dài của một chính sách, thật là hiệu quả cho sự phát triển kinh tế lâu dài của đất nước, thì chế độ bảo hộ (đặc biệt là biện pháp hạn chế và cấm) không mang lại kết quả mong muốn, thậm chí càng ngăn cản buôn bán nhiều chủng loại hàng hóa khác nhau thì việc chống buôn lậu càng trở nên khó khăn, ít hiệu quả và số lượng chủng loại hàng hóa buôn lậu cũng sẽ tăng lên.

IV. ĐÔI LỜI ĐỀ NGHỊ VỀ NHỮNG BIỆN PHÁP CHỐNG BUÔN LẬU

1. Tập trung phát triển sản xuất những hàng hóa mà đất nước có những thế mạnh, trên cơ sở đó tăng xuất khẩu để có vốn nhập khẩu những mặt hàng mà điều kiện sản xuất trong nước không thuận lợi, nhưng cầu về những hàng hóa đó cao.

Nếu những ngành, doanh nghiệp nào cần được bảo trợ để phát triển thì nhà nước trợ giá hàng hóa cho ngành, doanh nghiệp đó trong một thời gian nhất định để giúp nhanh chóng đổi mới kỹ thuật, tổ chức sắp xếp lại lao động, nhờ đó giảm chi phí sản xuất, tăng chất lượng hàng hóa để đạt hiệu quả trong cạnh tranh với hàng ngoại. Còn những doanh nghiệp nào thấy trước mặt cũng như lâu dài không thể đứng vững được trong cạnh tranh thì hoặc là giải thể hoặc là chuyển hướng

sản xuất mặt hàng khác.

2. Xây dựng chế độ thuế quan hợp lý để bảo đảm việc cung cấp hàng (nhập) linh hoạt, nếu sức cầu trong nước tăng lên thì một sự thay đổi tương xứng của khối lượng nhập có thể đáp ứng yêu cầu đó mà không, hoặc ít thay đổi về giá cả và sản xuất trong nước. Mặt khác người buôn bán hàng hóa cũng có thể sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ thuế của họ.

Ở đây cần lưu ý rằng, nếu thuế nhập khẩu quá cao dẫn đến giá cả hàng hóa vượt lên trên mức giá thế giới thì việc nhập khẩu hàng hóa đó sẽ chấm dứt. Trong trường hợp này nếu cầu trong nước vẫn cao thì việc buôn lậu loại hàng đó sẽ xảy ra.

3. Mở rộng tự do buôn bán (trọng và ngoài nước) và tự do cạnh tranh trong sản xuất cũng như trong tiêu thụ hàng hóa.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên các ngành thuế, hải quan đủ sức đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của một nền kinh tế thị trường mở.

5. Nâng cao hiệu quả của luật pháp, xét xử kịp thời và công minh những vi phạm, đảm bảo sự bình đẳng trên thực tế quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân trước pháp luật.

Tóm lại, nền kết hợp tối ưu các biện pháp kinh tế và hành chính, xã hội (chủ yếu là các biện pháp kinh tế) để hạn chế tới mức thấp nhất những tiêu cực do buôn lậu và chống buôn lậu gây ra. ♣

(1) Bài viết chỉ đề cập đến những hàng hóa tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng thông thường (chủ yếu là hàng hóa tư liệu tiêu dùng) còn những hàng hóa khác như nguyên, nhiên, vật liệu chiến lược, vũ khí, phương tiện chiến tranh, ma túy, văn hóa phẩm đồi trụy... không thuộc phạm vi của bài này. Tương tự, việc buôn lậu chức vụ, danh vọng... cũng không thuộc phạm vi nghiên cứu.

(2) (10) Paul A. Samuelson và William D. Nordhaus, *Kinh tế học*, quyển II, trang 640.

(3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), Milton Spencer, *Kinh tế học hiện đại*, phần thứ 8, các trang từ

17 đến 22.

(*) Một tháng sau khi ngưng nhập khẩu, những mặt hàng này vẫn còn bày bán khá đầy đặc trên thị trường, hệ thống mồi lái, buôn chuyển đường dài và buôn bán những

mặt hàng tạm ngưng nhập khẩu vẫn còn nguyên vẹn, dù vậy giá các loại phụ tùng xe đạp đã tăng từ 20-40%, phích nước Trung Quốc tăng hơn 50%...(theo báo *Lao động*, ngày 6.12.1992, trang 3)

BÀN VỀ XÂY DỰNG MỘT XÃ HỘI CÔNG DÂN

J.J. ROUSSEAU



G.G. Rútô (1712-1778), nhà tư tưởng khai sáng thế kỷ 18, đã để lại cho đời nhiều tác phẩm, trong đó có tác phẩm *Bàn về kế ước xã hội* (Du Contrat Social) viết năm 1762 là một công trình nghiên cứu về pháp luật, triết học, xã hội học có ý nghĩa lịch sử rất lớn.

Bàn về xây dựng một xã hội công dân, ông viết:

- Kẻ mạnh không phải lúc nào cũng đủ mạnh để mãi mãi làm người thống trị, nếu như anh ta không chuyển lực thành quyền và không chuyển sự phục tùng thành nghĩa vụ (xem bản tiếng Pháp trang 12, bản dịch của Thanh Dạm trang 33 - ký hiệu tắt: 12/33)

- Bao giờ cũng có một sự khác biệt lớn giữa việc thống trị nhiều người với việc quản lý một xã hội. Bao nhiêu người hầu hạ một người, đó chỉ là nỗ lực với chủ nô chứ không phải một dân tộc với thủ lĩnh...Con người cuối cổ đó, dù là thống trị một nửa thế giới cũng vẫn chỉ là một cá nhân; quyền lợi của hắn tách rời với mọi người, luôn luôn chỉ là quyền lợi riêng tư mà thôi; một khi hắn chết vương quốc của hắn cũng tan rã như cây sồi bị thiêu, đổ gục thành đồng tro tàn (17/40)

- Nếu như vì có mâu thuẫn giữa các lợi ích riêng mà phải thành lập xã hội, thì một khi các lợi ích riêng được hài hòa xã hội mới có thể tồn tại. Đó là do trong các lợi ích khác nhau vẫn có cái chung tạo thành mối liên hệ xã hội...Do đó phải dựa trên lợi ích chung để cai quản xã hội. (26/53)

- Có kẻ hưởng quyền công dân mà không muốn làm nghĩa vụ thần dân. Thái độ bất công đó của cá nhân nếu phát triển mãi ra thì sẽ dẫn tới sự đồi trụy của cơ thể chính trị. (26/53)

- Cần phải tìm ra một hình thức liên kết với nhau để dùng sức mạnh chung mà bảo vệ mọi thành viên. Mỗi thành viên trong khi khép mình vào tập thể, dùng sức mạnh của tập thể, vẫn được tự do đầy đủ như trước, vẫn chỉ tuân theo chính bản thân mình. Đó là vấn đề cơ bản mà kế ước xã hội đề ra cách giải quyết (18/41)

- Khi xã hội mới hình thành, thủ lĩnh nước cộng hòa tạo ra thể chế; và sau đó, chính thể chế lại đào tạo nên các thủ lĩnh của nước cộng hòa". (39/72)

THANH DẠM

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 5